

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ****Tỉnh Bến Tre**

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 25-3-2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc****NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P– TỈNH BẾN TRE****- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Triết.*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2023/TLST-DS ngày 08/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Hồng Như N, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: số 233/4 ấp GH, xã A Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: ấp M N, xã N Đ, huyện M CN, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số 171/2, ấp TQ B, xã BT, huyện P tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2023, đơn xin vắng mặt ngày 20/3/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Hồng Như N là bà Lê Thị Thanh N trình bày:

Ngày 31/01/2023 bà Ngô Hồng Như N có cho ông Huỳnh Minh T vay số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, thỏa lãi suất 1,5%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói thời hạn trả là 01 tháng, ông T nói mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Hai bên có viết Giấy vay tiền do ông T viết vào phần thông tin bên vay và ký ghi rõ họ tên vào phía bên vay. Nguyên trước đó ngày 30/9/2022 ông T có vay của bà Như N số tiền 162.000.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu) đồng, không thỏa thời gian trả, mục đích vay phục vụ kinh tế gia đình, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng.

Ngày 31/01/2023 vay số tiền 900.000.000 đồng, bà N có đòi ông T khoản vay 162.000.000 đồng thì ông T cam kết là đến ngày 14/02/2023 sẽ trả. Nhưng nay đã hết hạn, dù bà Như N có nhiều lần đòi nợ ông T vẫn không có thiện chí trả hai khoản vay và tiền lãi.

Nhận thấy quyền lợi của bà N bị xâm phạm nên bà N làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc ông Huỳnh Minh T có nghĩa vụ trả lại cho bà N như N số tiền 1.114.041.000 đồng.

Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 900.000.000 đồng + 162.000.000 đồng = 1.062.000.000 đồng.

- Yêu cầu tính lãi chậm trả như sau:

+ Đối với số tiền 162.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/02/2023 đến ngày 25/3/2024 là: 13 tháng 10 ngày x 162.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 17.928.000 đồng.

+ Đối với số tiền 900.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ thời điểm Tòa án thụ lý (ngày 08/11/2023) đến ngày 25/3/2024 là: 04 tháng 17 ngày x 900.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 34.113.000 đồng.

Do bận công việc không thể sắp xếp để đến dự phiên tòa được nên bà N làm đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Ngô Hồng Như N tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Huỳnh Minh T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Ngô Hồng Như N là bà Lê Thị Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn ông Huỳnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tại “GIẤY VAY TIỀN” ngày 31/01/2023 đã thể hiện đầy đủ họ tên, năm sinh và địa chỉ của ông Huỳnh Minh T nên Tòa án tiếp tục xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xử xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Hồng Như N với ông Huỳnh Minh T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Ngô Hồng Như N có cung cấp cho Tòa án Bản chính GIẤY VAY TIỀN” ngày 31/01/2023 có chữ ký và ghi rõ họ tên Huỳnh Minh

T. Trong giấy vay tiền này ở mục số 3 có nội dung thể hiện ông Tvay của bà N số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 31/01/2023 và ở mục 6 có nội dung “từ ngày 31/01/2023 đến ngày 14/02/2023 trả phần 162.000.000 đồng khoản nợ riêng”.

Xét thấy từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tnhung ông Tkhông có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N nên xem như ông Tđã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền nêu trên như bà N khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà N có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Tcó nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi chậm trả như bà N yêu cầu.

[5] Về án phí: Ông Tphải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Hồng Như N. Buộc ông Huỳnh Minh Tphải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Hồng Như N số tiền 1.114.041.000 (Một tỷ, một trăm mười bốn triệu, không trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Minh Tcó nghĩa vụ nộp số tiền 45.421.230 (Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, hai trăm ba chục) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bà Ngô Hồng Như N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.081.000 (Hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000385, ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tthi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện h P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết